

Bản án số: 150/2022/DS-ST
Ngày 30 - 8 - 2022
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiên.

Ông Nguyễn Hoài Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:
Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng hứa thưởng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Tiến V, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Tân D, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp Tân P, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đào Tiến V trình bày:

Vào tháng 5/2019 âm lịch, gia đình ông có đưa cho bà Nguyễn Hoài Th, địa chỉ ấp L, xã Lộc H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long số tiền trên 11.000.000.000 đồng để lấy phần chênh lệch lãi nhưng bà Th không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi đúng như giao kết từ lúc đầu, bà Th đã lừa đảo ông nên ông đã nhờ cơ quan pháp luật giải quyết suốt thời gian dài nhưng chưa được cơ quan công an vào cuộc để giải quyết. Từ đó gia đình ông gặp nhiều khó khăn phải bán đất, bán nhà ở để giải quyết số nợ ông đã vay hỏi để có số tiền đưa cho bà Th.

Đến tháng 11/2020 qua người quen với ông là ông Huỳnh Thuận N, địa chỉ ấp Mỹ P, xã T, huyện Đ giới thiệu ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: ấp Tân P, xã T, huyện Đ trước đây có giúp cho một số người bị lừa đảo, tranh chấp các vụ việc có kết quả tốt, từ đó ông có gặp ông T tại nhà ông N trình bày sự việc ông bị bà Th lừa đảo, ông T nhận lời giúp ông, nhờ người quen giúp đỡ và làm rõ vấn đề mà bà Th lừa đảo ông, ông T có nhận của ông số tiền 35.000.000 đồng để đi lo việc và khi lấy được số tiền trên ông T sẽ lấy 10% trong số tiền 11.000.000.000 đồng. Ông đồng ý với vấn đề đặt ra của ông T, từ ngày ông T nhận của ông số tiền 35.000.000 cho đến nay, nhiều lần ông trực tiếp đến gia đình ông T nhưng ông T không thực hiện theo thỏa thuận lúc đầu nên ông yêu cầu ông T trả lại cho ông số tiền 35.000.000 đồng nhưng ông T không trả mà tìm cách trì hoãn. Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông T phải trả lại cho ông số tiền 35.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Trước đây ông Huỳnh Thuận N, địa chỉ ấp Mỹ P, xã T, huyện Đ (gần nhà ông) có liên hệ với ông trao đổi sự việc là người khác có nợ ông Đào Tiến V 11.000.000.000 đồng (trước đó ông không biết ông V) và nhờ ông thông qua các mối quan hệ quen biết giúp đòi số nợ dùm, ông có nói để ông trao đổi xem có giúp được hay không, đối với số tiền 35.000.000 ông V trình bày đưa cho ông là không có, ông không nhận số tiền nào từ ông V. Khi trao đổi với nhau thì ông V có hứa nếu giúp được thì ông V sẽ hoa hồng lại ông 10% trên số tiền 11.000.000.000 đồng, thời gian sau ông V tự hứa nâng lên 20% rồi 30%. Ông có liên hệ người quen về nội dung sự việc của ông V nhưng đến nay chưa có kết quả. Thời gian qua thì ông V không có đến nhà ông đòi số tiền trên như ông V trình bày. Ông xác định không có nhận tiền từ ông V nên không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của ông V.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn xác định yêu cầu ông T trả lại cho ông 30.000.000 đồng, đối với số tiền 5.000.000 đồng ông không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng. Về án phí, đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 35.000.000 đồng, xuất phát từ việc nguyên đơn nhờ bị đơn giúp đỡ trong việc đòi lại tiền của người khác thiếu nguyên đơn nhưng bị đơn không thực hiện. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp đòi lại tài

sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền 30.000.000 đồng, không yêu cầu trả 5.000.000 đồng, do đó được xác định là nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về nội dung: Ông V yêu cầu ông T trả số tiền mà ông đã đưa cho ông T để nhờ ông T giúp ông lấy lại tiền người khác nợ ông nhưng do ông T không thực hiện được nên ông yêu cầu ông T trả lại, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông V cung cấp đoạn ghi âm giữa ông V và ông T, đồng thời cung cấp thông tin việc ông đưa tiền có ông Huỳnh Thuận N biết, đối với ông T xác định ông V có nhờ ông giúp đỡ việc ông V bị lừa tiền, tuy nhiên không có việc ông V đưa cho ông 35.000.000 đồng.

Qua đối chiếu đoạn ghi âm và nội dung xác minh đối với ông Huỳnh Thuận N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với đoạn ghi âm có nội dung như sau:

... “H: Tôi hỏi thiệt anh bữa hôm anh lấy 35.000.000 có đưa cho người ta không?

Đ: Trời ơi bữa đó đưa cho người ta hết trơn rồi chú hỏi gì kỳ vậy?

H: Nếu mà anh lo cho người ta tới giờ này không giải quyết được cái gì hết trơn vậy?

Đ: Chú rặng đi rặng lại hoài vậy tôi có giữ một đồng bạc nào đâu mà chú hỏi gì kỳ vậy”...

Quá trình giải quyết vụ án, ông V thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của ông nói chuyện với ông V nhưng nội dung không thể hiện ông có nhận số tiền 35.000.000 đồng.

Như vậy việc ông V nhờ ông T giúp đỡ để lấy lại tiền người khác nợ ông V là có xảy ra trên thực tế, được các bên thừa nhận.

Ông V cho rằng quá trình nhờ giúp thì ông có đưa 35.000.000 đồng cho ông T, ông T cho rằng không có, xét thấy: Tại đoạn ghi âm đã viện dẫn nêu trên thể hiện ông V có đề cập việc ông T đã nhận 35.000.000 đồng, trường hợp ông T không có nhận tiền thì khi nhận được câu hỏi nêu trên, ông T có quyền phản đối việc ông có nhận tiền từ ông V. Mặt khác tại biên bản xác minh đối với ông Huỳnh Thuận N thể hiện: ông V có nói việc ông V đưa cho ông T 35.000.000 đồng cho ông biết, trong đó 5.000.000 đồng cho ông T ăn uống, 30.000.000 bỏ bao thư, lúc này có mặt ông T và ông T không có ý kiến gì.

Như vậy về mặt ý chí, vào các thời điểm ông V đề cập đến việc có đưa cho ông T số tiền 35.000.000 đồng như tại nội dung đoạn ghi âm hay việc ông V nói cho ông Huỳnh Thuận N biết thì ông T đều biết nội dung này và không có ý kiến phản bác. Từ đó, có cơ sở xác định ông T có nhận số tiền 35.000.000 đồng từ ông

V. Do đó, ông V yêu cầu ông T trả lại số tiền 30.000.000 đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đào Tiến V không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 1.500.000 đồng. Ông T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí nhưng phải có đơn đề nghị nộp cho Tòa án theo quy định Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên đến thời điểm xét xử, ông T không nộp đơn đề nghị cho Tòa án nên không có cơ sở xem xét miễn án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Tiến V. Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho ông Đào Tiến V số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng ông T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đào Tiến V không phải chịu, hoàn trả lại cho ông V 875.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012416 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Ông Nguyễn Văn T phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

